

Bản án số: 53/2023/DS-PT
Ngày: 22-02-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Phn Thanh Tùng;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 117/2022/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2022/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp A, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; bà Th chết vào ngày 21/01/2023.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Th gồm:

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963;

+ Chị Phạm Thị Châu Ph, sinh năm 1985;

+ Chị Phạm Thị Vân A; sinh năm 1992;

Ông T, chị Ph, chị A cùng cư trú tại: số 296, ấp A, xã Ph, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Phạm Tấn P; sinh năm 2001; Cư trú tại: số x, ấp A, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Chị Phạm Thị Ngọc V, sinh năm 1987; Cư trú tại: tổ 7, ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1966; cư trú tại: ấp A, xã Ph, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963; số x, ấp A, xã Ph, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Từ Công S, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp A, xã Ph, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

+ Chị Từ Thị Hồng C, sinh năm 1987; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ y, ấp A, xã Ph, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: nhà số x khu dân cư T, khu phố m, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An

(anh S, chị C không có liên quan đến kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

- *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà là chị ruột của bà R. Vào ngày 15-5-2019 bà có cho bà R vay số tiền 200.000.000 triệu đồng có làm giấy tay do bà R viết và ký tên giao bà giữ. Ngày 14-5-2020, bà tiếp tục cho bà R vay số tiền 50.000.000 đồng. Vì vậy, bà R viết và ký tên giấy nợ mới có nội dung là bà R có vay của bà số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 14-5-2020 dương lịch giao bà giữ.

Hai bên thỏa thuận bằng lời nói hàng quý bà R sẽ trả tiền lãi cho Ngân hàng và phải trả nợ gốc cho Ngân hàng 250.000.000 đồng khi đến hạn vào ngày 14-5-2021 (vì bà vay tiền của Ngân hàng để cho bà R vay lại). Thực tế, hàng quý, bà R trực tiếp đến Ngân hàng Nông nghiệp và P triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu Công nghiệp Trảng Bàng - Tây Ninh trả tiền lãi thay bà đầy đủ. Tuy nhiên, ngày 14-5-2021 bà R không trả tiền lãi cho Ngân hàng thay bà nên bà phải tự choàng tiền lãi để trả cho Ngân hàng là 6.018.835 đồng và trả tiền gốc xong.

Bà không đồng ý khấu trừ hội giữa bà và anh S số tiền hội tổng cộng 20.000.000 đồng. Bởi vì, việc bà tham gia góp hội dùm anh S là giao dịch giữa bà và anh S không liên quan đến việc tranh chấp giữa bà và bà R, anh S và chị M là con của bà R chỉ ký tên vào giấy nợ với T cách là người làm chứng nên bà không khởi kiện đối với chị M. Bà tự nguyện rút yêu cầu về việc yêu cầu anh S trả nợ trong vụ án này. Bà R là người nợ tiền của bà, chị C không trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng thay bà R lần nào. Bà không yêu cầu bà R góp hội cho bà

đề trừ nợ như bà R đã trình bày.

Nay bà yêu cầu bà R trả cho bà số tiền 256.018.835 đồng và tiền lãi P sinh theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ 256.018.835 đồng kể từ ngày 15-5-2021 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền mua bán tài sản 3.000.000 đồng, nay bà rút yêu cầu khởi kiện về khoản tiền này .

Bị đơn bà Nguyễn Thị R trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của bà Th về thời gian vay tiền, thời hạn trả nợ, bà có viết và có ký tên giấy nhận nợ vào ngày 14-5-2020 số tiền 250.000.000 đồng do bà Th giữ, bà có trả tiền lãi hàng quý cho Ngân hàng như bà Th trình bày là đúng. Tuy nhiên, ngày 10-7-2020 dương lịch bà Th có đưa cho bà danh sách hui viên của dây hui 05 triệu đồng/tháng, gồm 29 phần do bà Nhịp làm chủ hui. Bà Th kêu bà hàng tháng đóng tiền hui sống thay bà Th vì bà Th đứng tên danh sách hui viên 02 phần (bà đã đưa tiền đóng hui cho bà Th) đóng hui được 11 tháng, đóng hui từ tháng 7-2020 đến tháng 5-2021 thì ngưng. Tổng số tiền đóng hui 11 tháng là 110.000.000 triệu đồng. Việc bà đưa tiền đóng hui cho bà Th không có giấy tờ, không người làm chứng.

Ngoài ra, con gái bà tên Từ Thị Hồng C có trả thay bà số tiền 30 triệu đồng cho bà Th, không có giấy tờ chứng minh.

Nay bà yêu cầu Tòa khấu trừ nợ giữa bà và bà Th như sau: 250.000.000 đồng – 110.000.000 đồng – 30.000.000 đồng = 110.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà Th số tiền nợ gốc còn lại là 110.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi bà Th đã bỏ ra để trả tiền cho Ngân hàng quý cuối là 6.018.835 đồng và tiền lãi P sinh như bà Th đã yêu cầu thì bà không đồng ý trả vì bà không còn khả năng trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trình bày: Ông là chồng của bà Th, số tiền bà Th đưa cho bà R vay là tiền của vợ chồng ông vay của Ngân hàng về đưa cho bà R vay lại. Ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Từ Công S không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Từ Thị Hồng C trình bày: Chị không trả cho bà Th số tiền 30.000.000 triệu đồng thay cho bà R như bà R trình bày. Chị không có liên quan gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 117/2022/DS -ST ngày 07-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị R.

2. Buộc bà Nguyễn Thị R trả cho bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Văn T số tiền 361.019.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử về việc bà Nguyễn Thị Th yêu cầu anh Từ Công S có trách nhiệm trả nợ cùng bà R.

4. Đình chỉ xét xử về việc bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bà Nguyễn Thị R trả số tiền mua bán tài sản 3.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị số 34/QĐ-VKS-DS. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi và tính lại án phí sơ thẩm vì bản án sơ thẩm buộc bà R phải chịu mức lãi suất $150\% \times 20\%/năm$ là không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Th đã chết vào ngày 21/01/2023. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Th (ông T, anh P, chị Ph, chị A, chị Việt) đều có ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Th về yêu cầu bà R trả tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định; không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 34/QĐ-VKS-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Th là anh P trình bày: đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về giảm tiền lãi bà R phải trả cho bà Th.

Bà R trình bày: đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 117/2022/DS-ST ngày 07-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị sửa án sơ thẩm về tiền lãi, tính lại án phí sơ thẩm vì cấp sơ thẩm tính lãi trên nợ gốc quá hạn mức 20%/năm là không đúng, thấy rằng:

Ngày 15-5-2019 bà Th cho bà R vay số tiền 200.000.000 đồng có làm giấy tay; ngày 14-5-2020, bà Th tiếp tục cho bà R vay 50.000.000 đồng, vì vậy bà R viết giấy nợ mới nội dung vay của bà Th 250.000.000 đồng vào ngày 14-5-2020. Bà R thừa nhận bà có vay của bà Th số tiền gốc 250.000.000 đồng vào ngày 14-5-2020.

Hai bên thỏa thuận miệng: lãi suất tiền vay bằng lãi suất Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng bà Th đã vay của Ngân hàng, hàng quý bà R sẽ trả tiền lãi cho Ngân hàng và trả nợ gốc cho Ngân hàng khi đến hạn vào ngày 14-5-2020.

Bà R đã trả tiền lãi cho bà Th đầy đủ từ ngày vay 14-5-2020 đến tháng 02/2021. Từ tháng 3/2021 bà R ngưng trả lãi và chưa trả tiền gốc. Đến hạn bà R không trả tiền vay gốc và tiền lãi quý sau cùng, bà Th đã trả tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi số tiền 6.018.835 đồng cho Ngân hàng xong nên bà Th yêu cầu bà R trả cho bà số tiền 256.018.835 đồng và yêu cầu bà R trả tiền lãi P sinh theo quy định của pháp luật đối với số tiền 256.018.835 đồng kể từ ngày 15-5-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm buộc bà R trả cho bà Th và ông T số tiền 361.019.500 đồng (tiền gốc và lãi trong hạn là 256.018.835 đồng; tiền lãi chậm trả của số tiền 6.018.835 đồng là 835.935 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn mức 20%/năm thành tiền là 104.165.000 đồng).

Xét thấy, việc vay tiền giữa bà Th và bà R thì hai bên có thỏa thuận trả lãi bằng lãi suất Ngân hàng mà bà Th đã vay; theo hợp đồng tín dụng bà Th vay

mức lãi suất là 9,5%/năm, lãi quá hạn là 150% của lãi suất cho vay trong hạn; bà Th yêu cầu bà R trả tiền lãi P sinh theo quy định của pháp luật đối với số tiền 256.018.835 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm tách ra tính lãi chậm trả của số tiền 6.018.835 đồng và tính lãi của nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức 20%/năm là không đúng theo yêu cầu của nguyên đơn và quy định của pháp luật nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi quá hạn bà R phải trả, tiền lãi được tính lại như sau:

Lãi suất trong hạn mỗi tháng là $9,5\%/năm : 12 \text{ tháng} = 0,79\%$;

Lãi suất quá hạn của số tiền 256.018.835 đồng $\times (0,79\% \times 150\%) \times 16$ tháng 22 ngày (từ ngày 15-5-2021 đến ngày 07-10-2022) = 50.764.500 đồng.

[2] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh về tiền lãi quá hạn bà R phải trả cho bà Th là 50.764.500 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà R phải trả cho bà Th (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Th gồm: ông Phạm Văn T, chị Phạm Thị Châu Ph, chị Phạm Thị Vân A, anh Phạm Tấn P, chị Phạm Thị Ngọc V) số tiền là 256.018.835 đồng + 50.764.500 đồng = 306.783.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên cần xác định lại tiền án phí bà Nguyễn Thị R phải chịu là $306.783.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.339.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2022/DS-ST ngày 07-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị R.

Buộc bà Nguyễn Thị R trả cho bà Nguyễn Thị Th (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Th là ông Phạm Văn T, chị Phạm Thị Châu Ph, chị Phạm Thị Vân A, anh Phạm Tấn P, chị Phạm Thị Ngọc V) số tiền 306.783.000 (ba trăm lẻ sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử về việc bà Nguyễn Thị Th yêu cầu anh Từ Công S có trách nhiệm trả nợ cùng bà R.

4. Đình chỉ xét xử về việc bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bà Nguyễn Thị R trả số tiền mua bán tài sản 3.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Th không phải chịu, hoàn trả lại cho bà Th (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Th là ông Phạm Văn T, chị Phạm Thị Châu Ph, chị Phạm Thị Vân A, anh Phạm Tấn P, chị Phạm Thị Ngọc V) số tiền 7.475.000 (bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0023964 ngày 24-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị R phải chịu 15.339.000 (mười lăm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Gò Dầu;
- CCTHADS h. Gò Dầu;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền